

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/DS-PT

Ngày 15-11-2019

V/v tranh chấp biểu, hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Xuân Liêm**;

Ông **Võ Minh Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Phước Quang** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp biểu, hội”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2017/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2019/QĐPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 34 P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu P**, sinh năm 1957.

Ông **Phan Hoàng T**, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Số 399 P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Bà P có mặt, ông T vắng mặt.

3. Người làm chứng:

- Bà **Phan Thị Lệ T**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 75 N, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà **Trần Thị T (D)**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 182 L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S: Năm 2014, bà Nguyễn Thị Thu P có tham gia chơi 03 chân biêu do bà cầm cái, cụ thể:

Chân biêu ngày 08/01/2014 (AL), với số tiền 10.000.000 đồng/tháng, có 12 người tham gia chơi, gồm: Anh Thành bác Di, chị Hoa Tú, chị Kim P, Hoàng Sơn, Thành Thủy, Thủy Tiên, Lương, Thịnh Phát, chị Phượng xe, Dung, chị Hoa Lượng, chị Bích Sơn. Bà Nguyễn Thị Thu P hốt kỳ biêu đầu tiên được số tiền 90.800.000 đồng (*đã tính trừ tiền biêu bà P phải nộp là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 1.600.000 đồng x 12 người = 19.200.000 đồng*). Sau đó, bà P nộp thêm 04 kỳ biêu nữa, tổng cộng bà P đã nộp được 05 kỳ biêu và bà P còn nợ lại 07 kỳ biêu x 10.000.000 đồng/01 kỳ = 70.000.000 đồng.

Chân biêu ngày 20/01/2014, với số tiền 20.000.000 đồng/tháng, có 12 người tham gia chơi, gồm: Dung, chị Bích Sơn, chị Phượng xe, chị Kim P, Hoàng Sơn, chị Hoa Tú, Lương, Thủy Tiên, chị Hoa Lượng, chị Lý anh Hùng, Thịnh Phát, Liên. Bà Nguyễn Thị Thu P hốt kỳ hai với số tiền 175.450.000 đồng (*đã tính trừ tiền biêu bà P phải nộp là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 4.050.000 đồng x 11 người = 44.550.000 đồng*). Sau đó, bà P nộp thêm 02 kỳ biêu nữa, tổng cộng bà P đã nộp được 04 kỳ biêu và còn nợ lại 08 kỳ biêu x 20.000.000 đồng/01 kỳ = 160.000.000 đồng.

Chân biêu ngày 22/8/2014 (AL), với số tiền 5.000.000 đồng/tháng, có 14 người tham gia chơi, gồm: Chị Phượng xe, chị Hoa Tú, chị Bích Sơn, Thành Thủy, Dung (*tham gia chơi 02 chân*), Tùng, Lương, Thủy Tiên, chị Hoa Lượng, Kim P, Hoàng Sơn, Thủy Một, Bé Nù. Bà Nguyễn Thị Thu P hốt kỳ hai được số tiền 51.280.000 đồng (*đã tính trừ tiền biêu bà P phải nộp là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 980.000 đồng x 14 người = 13.720.000 đồng*). Trong số tiền 51.280.000 đồng bà P thực nhận là 21.280.000 đồng vì đã tính trừ 30.000.000 đồng bà P nộp cho 03 kỳ biêu của chân biêu 10.000.000 đồng/tháng (*chân biêu ngày 08/01/2014 (AL)*), do trước đó bà P đã nhiều kỳ không nộp tiền biêu của chân biêu này. Sau đó, bà P không nộp nữa, tổng cộng bà P đã nộp được 02 kỳ biêu, còn nợ lại 12 kỳ biêu x 5.000.000 đồng/01 kỳ = 60.000.000 đồng.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị Thu P còn nợ lại của bà 03 chân biêu với số tiền là 290.000.000 đồng. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu P phải trả cho bà toàn bộ số tiền nêu trên.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Phan Hoàng T và bà Nguyễn Thị Thu P cùng có trách nhiệm trả nợ tiền biêu cho bà vì bà cho rằng bà P chơi biêu để sử dụng vào mục đích kinh doanh của gia đình. Tuy nhiên, xét thấy chỉ có bà P tham gia chơi biêu nên bà chỉ buộc bà P có trách nhiệm trả số tiền nợ biêu là 290.000.000 đồng cho bà, bà không yêu cầu ông T cùng trả nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu P trình bày: Ngày 29/6/2013, bà có mượn của bà Nguyễn Thị S số tiền 200.000.000 đồng và ngày 30/10/2013, bà có mượn của bà S số tiền 300.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 đồng. Do không có tiền trả nợ nên bà S yêu cầu bà trả dần số tiền trên theo phương thức bà S lập nên các chân biếu để hàng tháng bà trả tiền cho bà S, nhưng thực tế bà không có chơi biếu mà do bà S lập biếu ma để bà trả dần tiền nợ cho bà S. Do bà chưa trả đủ tiền nên bà S chưa trả lại giấy mượn tiền cho bà. Do đó, không có việc bà chơi biếu do bà S cầm cái nên việc bà S khởi kiện yêu cầu bà trả tiền nợ biếu là không đúng, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà S.

Bị đơn ông Phan Hoàng T đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các thủ tục tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày tại hồ sơ vụ án.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 115/2017/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào Điều 275, Khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu P về việc “Tranh chấp biếu, hui”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu P trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền biếu còn nợ là 290.000.000 (*Hai trăm chín mươi triệu*) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/12/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:* Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc bà P trả cho bà S số tiền nợ biếu là 258.750.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu P thì thấy: Bà P cho rằng, ngày 29/6/2013, bà có mượn của bà Nguyễn Thị S số tiền 200.000.000 đồng và ngày 30/10/2013, bà mượn của bà S số tiền 300.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 đồng. Do bà không có tiền trả nợ nên bà S yêu cầu bà trả dần số tiền trên theo phương thức bà S lập nên các chân biêu để hàng tháng bà trả tiền cho bà S. Bà P thừa nhận có viết và ký nhận tiền trên các tờ giấy ghi tiền biêu mà bà S đã cung cấp cho Tòa án nhưng cho rằng thực tế bà không nhận tiền mà chuyển sang trả dần số tiền nợ 500.000.000 đồng cho bà S. Do đó, việc bà S khởi kiện yêu cầu bà trả tiền nợ biêu là không đúng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị S khởi kiện đòi ông Phan Hoàng T, bà Nguyễn Thị Thu P trả số tiền 500.000.000 đồng nêu trên (*được Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết tại bản án số: 71/2016/DS-ST ngày 14/9/2016*), bà P chỉ khai là bà đã trả cho bà S được số tiền 296.700.000 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng ông T trả cho bà S và 196.700.000 đồng bà P hót biêu do bà S cầm cái để trả cho bà S (*bà P cung cấp giấy tính tiền có tên Nga Anh thể hiện nội dung tính toán tiền lãi, gốc, hàng cuối cùng ghi 196.700.000 đồng bên cạnh ghi “trừ vốn”*), chứ bà P không có đề cập gì đến 03 dây biêu mà hiện nay bà S đang khởi kiện. Nay, bà S khởi kiện yêu cầu bà P trả các khoản tiền nợ chơi biêu của 03 dây biêu lập ngày 08/01/2014 (AL), ngày 20/01/2014 và ngày 22/8/2014 (AL) thì bà P lại khai các dây biêu này do bà S lập ra để bà trả dần số tiền 500.000.000 đồng mà bà đã mượn của bà S tại các giấy mượn ngày 29/6/2013 (*số tiền 200.000.000 đồng*) và ngày 30/10/2013 (*số tiền 300.000.000 đồng*) là không phù hợp. Mặt khác, trong tờ giấy ghi dây biêu lập ngày 20/01/2014 (*biêu 20.000.000 đồng/tháng*), bà P đã hót kỳ đầu tiên với số tiền 175.450.000 đồng và ghi “*đã nhận chuyển qua tiền mượn trừ biêu chi nợ S. Đã nhận đủ tiền*” chứ không ghi cụ thể là trừ vào số tiền 500.000.000 đồng mà bà P nợ bà S. Ngoài ra, bà P còn khai rằng trong số tiền mà bà hót biêu của dây biêu ngày 22/8/2014 (AL) bà S cũng giữ lại số tiền 30.000.000 đồng để trừ vào số tiền nợ 500.000.000 đồng nhưng bà P không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, người làm chứng là bà Trần Thị T (D) cho rằng cả 03 dây biêu mà bà S đang khởi kiện đối với bà P là có thật và bà có tham gia chơi 03 dây biêu này cùng với bà P.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu P nên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị Thu P trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền biêu còn nợ là 290.000.000 đồng.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tại phiên tòa, đề nghị sửa bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận như Hội đồng xét xử đã nhận định ở trên.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu P không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật (*Bà P là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm, nhưng không có đơn đề nghị theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên không được miễn*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2017/DSST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào Điều 275, Khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu P về việc “Tranh chấp biên, hui”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu P trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền biên còn nợ là 290.000.000 (*Hai trăm chín mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thu P phải chịu là 14.500.000 (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn*) đồng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.250.000 (*Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0002763 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị Thu P phải chịu là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/11/2019).

Nơi nhận:

- TAND Tp. T;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo